

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HÀ NỘI
Bản án số 200/2026/HSST
Ngày 27/03/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình T
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan K
Bà Bùi Thị H
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị H – Cán bộ Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội tham gia phiên tòa:*
Ông Dương Xuân Q - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1
- Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/TLST-HS
ngày 11 tháng 02 năm 2026; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2026/QĐXXST
- HS ngày 03 tháng 03 năm 2026 đối với bị cáo: Nguyễn Mạnh T – Sinh năm 19xx;
Giới tính: Nam; Nguyên quán: Xã D, thành phố H; Nơi thường trú: Thôn T, xã D,
thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề
nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn H – sinh năm 19xx; Con bà: Nguyễn
Thị P – sinh năm 19xx; Vợ: Chu Thị Thùy D (Đã ly hôn); Có 02 con: Con lớn sinh
năm 20xx, con nhỏ sinh năm 20xx.

Danh chỉ bản số 0017xx, lập ngày 2x/1x/20xx tại PC 02, Công an thành phố
Hà Nội. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại bản án số 177/2023/HSST ngày 20/09/2023, Toà án nhân Quận Thanh
Xuân, xử phạt Nguyễn Mạnh T: 03 năm 06 tháng tù về tội: Làm giả con dấu, tài liệu
của cơ quan, tổ chức; 09 năm tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo chấp
hành hình phạt chung của cả hai tội là: 12 năm 06 tháng tù.

- Tại bản án số 153/2024/HSST ngày 16/07/2024 Toà án nhân dân Quận Long
Biên xử phạt Nguyễn Mạnh T: 03 năm 06 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài
sản. Tổng hợp với bản án số 177/2023/HSST ngày 20/09/2023 Toà án nhân Quận

Thanh Xuân buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 16 năm tù.

Hiện bị cáo Nguyễn Mạnh T đang chấp hành án tại Trại giam Suối Hai, xã Ba Vì, thành phố Hà Nội. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Nguyên đơn dân sự: Công ty Tài chính Cổ phần T.

Trụ sở: Tầng x Tòa nhà V, số xx đường H, phường N, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Minh T – Tổng giám đốc.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Vũ Đình T – Trưởng bộ phận An ninh và Điều tra nội bộ. *Có đơn xin xét xử vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 0x/20xx, chị Nguyễn Thị N (SN: 19xx; Nơi thường trú: Tiểu khu C, Thị trấn Đ, huyện Phú L, tỉnh T) có nhu cầu mở thẻ tín dụng để vay tiền, đã tìm kiếm trên mạng xã hội thì biết đối tượng Nguyễn Mạnh T là môi giới tư vấn làm hợp đồng vay tiền các tổ chức tín dụng. Do cần tiền tiêu sài nên Nguyễn Mạnh T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong thẻ tín dụng của Chị N. Sau khi kiểm tra các thông tin do chị N cung cấp, T nhận thấy chị N đủ điều kiện để mở thẻ vay tiền tại Công ty Tài chính Cổ phần T (gọi tắt là Công ty V). T đã chuyển thông tin của chị N cho chị Lê Thị H (SN: 19xx; Nơi thường trú: xã X, phường T, tỉnh H) là nhân viên của Công ty V, để tiến hành làm hồ sơ vay. T cùng chị H đến nơi cư trú và nơi làm việc của chị N tại tỉnh T, để kiểm tra thực tế và ký hợp đồng. Khi ký hợp đồng, T yêu cầu chị N để trống phần số điện thoại, để khi nhân viên thẩm định gọi điện, T sẽ trả lời. Sau đó, T mua 01 sim điện thoại số 093.625.xxxx, cung cấp cho chị H để điền vào hợp đồng của chị N. Chị H đã nộp bộ hồ sơ của chị N vào Công ty V. Khi được nhân viên thẩm định của Công ty V gọi điện đến số 093.625.xxxx, T đã nhờ bạn cùng làm môi giới tín dụng (T không còn nhớ người bạn này) để trả lời các câu hỏi. Thông qua chị H, T biết hồ sơ vay của chị N đã được phê duyệt thành công. Do T đang cần tiền tiêu sài, nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong thẻ vay tiền của Công ty V phát hành cho chị N.

Khoảng giữa tháng 0x/20xx, T nhận được cuộc gọi của nhân viên bưu điện giao thẻ vay tiền Công ty V phát hành cho chị N. Địa điểm nhận hàng là nơi làm việc của chị N tại Trường THCS Y, địa chỉ thôn S, xã Y, phường P, tỉnh T. Lúc này, T đang ở tỉnh T để tìm kiếm khách làm hồ sơ vay, nên đã giả danh là đồng nghiệp của chị N để nhận thẻ. Sau khi nhận được thẻ, T đã sử dụng số sim 093.625.xxxx để kích hoạt thẻ và thực hiện rút tiền trong thẻ nhiều lần tại các máy ATM trên địa bàn thành phố H, được tổng số tiền 34.800.000 đồng và tiêu sài hết. Khi chị N liên hệ, T không nghe máy mục đích trốn tránh. Sau đó T đã vứt bỏ thẻ của chị N, số sim 093.625.xxxx T sử dụng một thời gian và cũng vứt bỏ. Đến ngày xx/xx/20xx,

T lại tiếp tục thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. T đã bỏ trốn và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố H ra Quyết định truy nã. Đến ngày xx/xx/20xx, T đã ra đầu thú và bị tạm giam để điều tra.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Mạnh T đã khai nhận T bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Tang vật thu giữ: Hình ảnh Nguyễn Mạnh T rút tiền ngày xx/x/20xx do Công ty V cung cấp.

Đối với Công ty V, người được ủy quyền là anh Vũ Đình T yêu cầu Nguyễn Mạnh T bồi thường số tiền số tiền 34.800.000 đồng và số tiền lãi, phí (cụ thể số tiền lãi, phí và chứng từ liên quan anh Tùng sẽ cung cấp tại Tòa án).

Đối với Lê Thị H quá trình điều tra xác định H không liên quan đến việc chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với đối tượng môi giới Nguyễn Mạnh T nhờ trả lời các câu hỏi do nhân viên thẩm định của Công ty V do T không nhớ là ai nên Cơ quan điều tra không xác định được.

Tại bản cáo trạng số 2xx/CT-VKS, ngày 0x/0x/20xx của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội đã truy tố Nguyễn Mạnh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các lời khai có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện nguyên đơn dân sự: Ông Vũ Đình T có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu bị cáo bồi thường cho Công ty V số tiền gốc là 34.841.340 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.361.462 đồng, tổng cộng là 59.202.802 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T mức án từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền gốc là 34.841.340 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.361.462 đồng, tổng cộng là 59.202.802 đồng cho Công ty Tài chính Cổ phần T.

Miễn áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hà Nội; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành do đó hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo là đúng theo điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Những căn cứ xác định tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Mạnh T sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt thẻ vay tiền của Công ty V phát hành cho chị Nguyễn Thị N. Từ ngày xx/xx/20xx đến ngày 2x/0x/20xx, bị cáo Nguyễn Mạnh T đã chiếm đoạt tổng số tiền 34.800.000 đồng của Công ty V.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, vì vậy cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu năm 2023 bị xử phạt 12 năm 6 tháng tù về tội *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*. Tại bản án số 153/2024/HSST ngày 16/7/2024 bị xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*. Tổng hợp chung cho cả hai bản án là 16 năm tù, bị cáo đang chấp hành hình phạt. Do vậy, buộc bị cáo phải

chấp hành hình phạt của cả bản án năm 2024 theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù giam, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Vì vậy, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Công ty Tài chính Cổ phần T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền gốc là 34.841.340 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.361.462 đồng, tổng cộng là 59.202.802 đồng. Căn cứ theo Hợp đồng và bản tính lãi do Công ty Tài chính Cổ phần T cung cấp, xét yêu cầu của Công ty Tài chính Cổ phần T là phù hợp pháp luật nên buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty Tài chính Cổ phần T số tiền trên.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và án 2.960.140 đồng phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T **2 (Hai) năm tù** về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt **16 năm** tù với bản án số 153/2024/HSST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là **18 (Mười tám) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 4 năm 2023.

2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty Tài chính Cổ phần T số tiền gốc là 34.841.340 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.361.462 đồng, tổng cộng là 59.202.802 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn xin thi hành án của Công ty Tài chính Cổ phần T nếu bị cáo không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Mạnh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 2.960.140 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Nguyên đơn DS,
- VKS ND Khu vực I-HN;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực I-HN;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình T